

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15 -5 - 2020

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh

2. Ông Nguyễn Thiện Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “*Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2020; Thông báo thay đổi, thời gian, địa điểm mở phiên tòa số: 01/2020/TB-TA ngày 31 tháng 03 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐHPT ngày 28 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1983;

2. Bị đơn: Anh Tạ Minh H, sinh năm 1984;

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 36, tổ 39, phường B, thành phố Th, tỉnh Th.

Nơi cư trú: Số nhà 02, ngõ 283, đường Ng, tổ 06, phường P, thành phố Th, tỉnh Th.

(Chị D có đơn xin vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D thể hiện:*

Chị và anh Tạ Minh H tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Th, tỉnh Th vào ngày 08 tháng 03 năm 2004. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách của vợ chồng không hòa hợp, công việc của vợ chồng không ổn định nên kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, gia đình đã biết và có khuyên giải nhiều lần nhưng anh H không có ý thức sửa chữa nên vợ chồng chị ngày càng mâu thuẫn, tuy anh chị sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, anh chị đã sống ly thân từ tháng 09/2019 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn anh Tạ Minh H.

Về con chung: Chị và anh Tạ Minh H có ba con chung là Tạ Quang H, sinh ngày 02/01/2005, Tạ Nguyễn Băng Nh, sinh ngày 16/05/2010, Tạ Minh N, sinh ngày 03/8/2018. Hiện ba con đang ở cùng với anh chị. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi ba con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện nay chị đang làm nghề lao động tự do, bình quân mỗi tháng chị thu nhập được từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án thông báo anh Tạ Minh H lên Tòa án để trình bày về việc chị D có đơn xin ly hôn anh, nhưng anh H không lên theo thời gian, địa điểm đã thông báo. Vì vậy Tòa án xác minh tại địa phương và gia đình cung cấp:

** Tại biên bản lấy lời khai của bà Phạm Thị Tuyết, sinh năm 1963; Trú tại: Số nhà 04, tổ 04, phường P, thành phố Th (mẹ đẻ chị D) cung cấp:* Chị Nguyễn Thị D và anh Tạ Minh H tự nguyện tìm hiểu và cưới có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống anh chị có thời gian hạnh phúc, đến khi vợ chồng anh chị sinh con thứ ba thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không có trách nhiệm với vợ con, nhiều khi do kinh tế khó khăn nên anh chị thường cãi vã, cãi chửi nhau, gia đình đã khuyên giải cho anh chị, nhưng cuộc sống của anh chị ngày càng căng thẳng, anh chị đã ly thân từ tháng 9/2019 đến nay. Nay chị D có đơn xin ly hôn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có ba con chung, hiện cả ba con đều ở cùng với anh chị, ly hôn chị D nguyện vọng được nuôi cả ba con và không yêu cầu anh H

cấp dưỡng nuôi con, vậy Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các cháu và giải quyết theo quy định.

Về tài sản: Chị D không yêu cầu nên tôi không có ý kiến gì.

** Tại biên bản xác minh ngày 25 tháng 02 năm 2020, ông Nguyễn Văn Diệu, tổ phó tổ dân phố số 10 (tổ 06 mới), phường P, thành phố Th cung cấp:*

Gia đình chị Nguyễn Thị D và anh Tạ Minh H và các con anh chị sinh sống tại địa phương từ năm 2016 đến nay, theo địa phương được biết về quan hệ hôn nhân anh chị có mâu thuẫn, nhưng chưa đến mức khiến địa phương phải hòa giải, can thiệp; theo chị D trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về tính cách và làm ăn, tuy sống chung một nhà nhưng anh chị đã có thời gian sống ly thân. Đối với anh Tạ Minh H làm nghề lái xe thường xuyên không có mặt theo giờ hành chính, khi Tòa án đến lấy lời khai thì anh H không có mặt tại nhà để cung cấp thông tin. Vì vậy đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định để giải quyết.

Về quan hệ con chung: Anh H, chị D có ba con chung, hiện ba con đang ở cùng với anh chị. Ly hôn theo chị D nguyện vọng được nuôi ba con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị, vậy đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các cháu và giải quyết quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu.

Về tài sản: Chị D không đề nghị giải quyết, nên địa phương không có ý kiến gì.

** Tại biên bản xác minh ngày 19 tháng 3 năm 2020, bà Hoàng Thị H, Tổ trưởng tổ dân phố số 10 (tổ 06 mới), phường P, thành phố Th cung cấp:*

Anh H và chị D sinh sống tại tổ 10 (06 mới) từ năm 2016 đến nay, về lối sống thì anh chị sống hòa nhã với làng xóm và anh chị có nghĩa vụ đóng góp xây dựng tổ dân phố tốt. Về tình cảm và mâu thuẫn của vợ chồng thì địa phương đã đến tìm hiểu đối với làng xóm thân cận được biết anh chị thỉnh thoảng có to tiếng, cãi chửi nhau, nhưng không thấy chị D báo cáo với địa phương để hòa giải. Nay chị D có đơn xin ly hôn anh H thì địa phương có đến gia đình hỏi và hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng nhưng chị D cung cấp hiện anh chị đã mâu thuẫn căng thẳng vì vậy chị vẫn cương quyết xin ly hôn anh H. Vậy địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định để giải quyết.

Về con chung: Anh chị có ba con chung, hiện ba con đang sống chung cùng anh chị. Ly hôn, chị D đề nghị được nuôi cả ba con và không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con và anh H không có ý kiến gì về việc này. Vậy đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của các con để giải quyết.

Về tài sản: Chị D không đề nghị giải quyết và anh H không có ý kiến gì, địa phương cũng không có ý kiến gì.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, nhưng anh H không lên theo nội dung giấy báo. Vì vậy Tòa án đã lập biên bản và niêm tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Th và gửi qua đường bưu điện toàn bộ văn bản theo thủ tục quy định.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình; anh Lê Minh H là bị đơn không trình bày ý kiến của mình trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định và xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn lần thứ 2 tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Tạ Minh H; Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao các con Tạ Quang H, sinh ngày 02/01/2005, Tạ Nguyễn Băng Nh, sinh ngày 16/05/2010, Tạ Minh N, sinh ngày 03/8/2018 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên việc cấp dưỡng không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H không có quan điểm thể hiện về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

- Chị D, anh H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn chị D có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Tạ Minh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Th, tỉnh Th vào ngày 08 tháng 3 năm 2004 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách của hai vợ chồng không hòa hợp, không bảo ban được nhau trong cuộc sống, làm ăn và nuôi dạy con cái, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay chứng tỏ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị D, cho ly hôn giữa chị D và anh H.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh H có ba con chung là Tạ Quang H, sinh ngày 02/01/2005, Tạ Nguyễn Băng Nh, sinh ngày 16/05/2010, Tạ Minh N, sinh ngày 03/8/2018, xét yêu cầu của chị D và nguyện vọng của các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ, xét thấy phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của chị D, giao ba cháu Tạ Quang H, Tạ Nguyễn Băng Nh và Tạ Nhật Minh cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu anh Tạ Minh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 24 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các các điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 146, 147, 227, 244, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Tạ Minh H.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Tạ Quang H, sinh ngày 02/01/2005, Tạ Nguyễn Băng Nh, sinh ngày 16/05/2010, Tạ Minh N, sinh ngày 03/8/2018 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009736 ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi

hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình thành án phí. Chị D đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D và anh Tạ Minh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Th, tỉnh Th.
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Huyền